|  |  |
| --- | --- |
| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1196/BC-VNBC | *Quảng Ninh, ngày 05 tháng 3 năm 2013* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**

**NĂM 2012**

**I. Thông tin chung**

***1. Thông tin khái quát:***

-Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.

- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.

- Tên viết tắt : VNBC

- Mã chứng khoán : NBC

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101100 cấp lần thứ 8 ngày 09/8/2012 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

***-*** Điện thoại : (84.33) 3825 220

***-*** Fax : (84.33) 3625 270

***-*** Website : www.nuibeo.com.vn

***-*** Email : giaodich@nuibeo.com.vn

***-*** Vốn điều lệ : 199.994.040.000 đồng (Một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).

***2. Quá trình hình thành và phát triển***

a) Việc thành lập:

- Mỏ than Núi Béo (nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin) được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thoả thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lầm; Phía Nam giáp đ­ường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ l­ượng than trong biên giới khai thác mỏ là: ≈ 32 triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m3 và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 m3/tấn. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Vỉa 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Vỉa 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Vỉa 14 đã xúc gầu đất đầu tiên.

*\* Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*

- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chỉ vẻn vẹn có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác đ­ược hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại t­ưởng như­ không thể v­ượt qua, đó là tình hình chất l­ượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gặp vỉa than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra đư­ợc cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Vỉa 14 để quay sang mở vỉa, tập trung khai thác ở khu vực Vỉa 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị tr­ường tiêu thụ và công tác đầu t­ư nên giai đoạn 1989 đến 1995 mỏ hầu như­ không phát triển đ­ược. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản l­ượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng ≈ 30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tư­ởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

*\*Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:*

- Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Uỷ ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là b­ước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin thực sự có những bước tiến phát triển v­ượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt đ­ược năm sau cao hơn năm tr­ước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần:

- Thực hiện Quyết định số: 3936/QĐ-BCN ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/4/2006 với tên giao dịch là: Công ty Cổ phần Than Núi Béo (nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin). Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng Việt Nam); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Ngày 27 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: NBC.

d) Tăng vốn điều lệ: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, năm 2011 và 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn Điều lệ của Công ty từ 60 tỷ đồng lên gần 200 tỷ đồng bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn tích lũy của Công ty theo đúng quy định của phát luật.

***3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh***

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than non (0520).

- Xây dựng công trình công ích (4220).

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).

- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).

- Khai thác và thu gom than cứng (0510).

- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).

- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).

- Khai thác quặng sắt (mã 0710).

- Khai thác và thu gom than bùn (0892).

- Xây dựng nhà các loại (4100).

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)

- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).

- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).

- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).

- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).

- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).

- Sửa chữa thiết bị điện (3314).

- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).

- Sửa chữa thiết bị khác (3319).

- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).

- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222).

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (1104).

- Phá dỡ (4311).

- Chuẩn bị mặt bằng (4312).

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510).

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610).

- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (7721).

- Điều hành tua du lịch (7912).

- Giáo dục thể thao và giải trí (8551).

- Giáo dục văn hóa nghệ thuật (8552).

- Hoạt động của các cơ sở thể thao (9311).

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (9329).

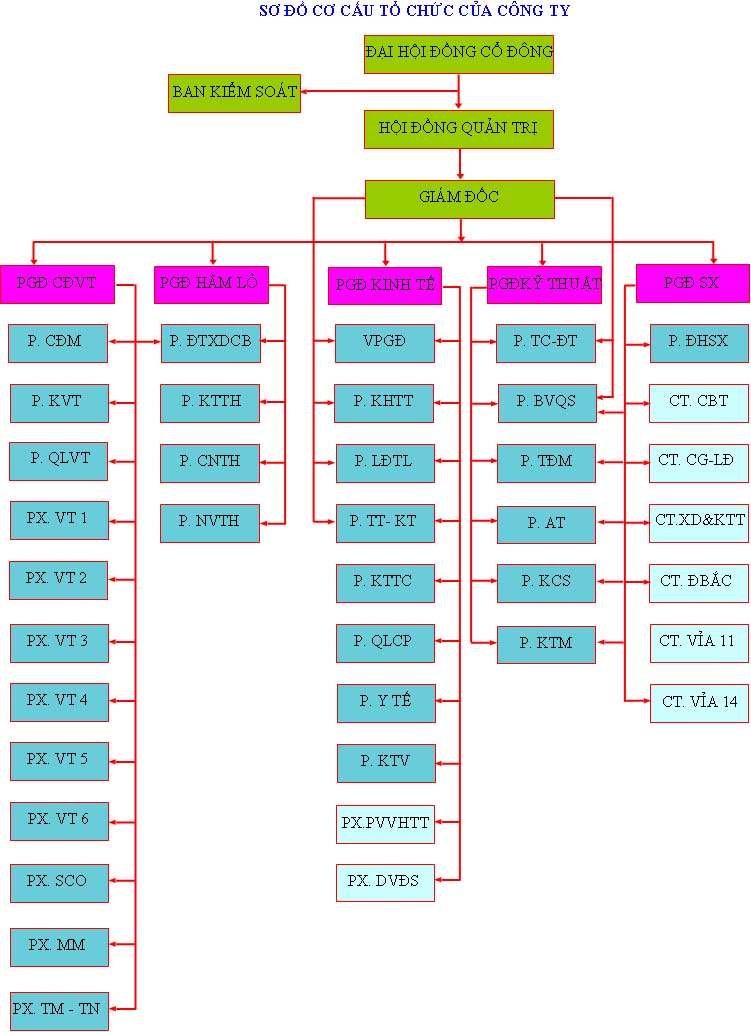
b) Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

***4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý***

- Hội đồng Quản trị : 5 thành viên;

- Ban kiểm soát : 3 thành viên;

- Ban lãnh đạo Công ty có : 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và 21 phòng ban, 17 phân xưởng đơn vị sản xuất, tổ chức theo mô hình sau:

******

***5. Mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty.***

5.1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Năm 2013, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty ở từng thời điểm, cụ thể:

a) Phát triển kinh doanh than

Xây dựng Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến: Từ nay đến trước năm 2017 khai thác 6,7 triệu tấn than - kết thúc khai thác lộ thiên; đẩy nhanh tiến độ thi công dự án hầm lò; phấn đầu đào cặp giếng theo thiết kế để đến năm 2017 ra than trên 400 ngàn tấn và từ năm 2018, năm 2019 đạt công suất thiết kế - khai thác 2 triệu tấn than/năm.

b) Kinh doanh ngoài than

Đồng thời với sản xuất than, Công ty tiến hành thực hiện các dự án kinh doanh ngoài than, bao gồm:

*b1) Nhận thầu bốc xúc vận tải đất đá mỏ than Hà Tu*

- Khái quát dự án: Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh Công ty Cổ phần Than Hà Tu với sản lượng 34 triệu tấn than, bóc 544 triệu m3 đất, hệ số bóc đất 15,9 m3/tấn, thời hạn kết thúc dự án theo thiết kế vào năm 2027. Đây là dự án hết sức quan trọng, quyết định đến việc sử dụng lại lao động và thiết bị khai thác lộ thiên của Công ty khi kết thúc và chuyển sang khai thác hầm lò.

- Lộ trình và thể thức tham gia của Công ty: Công ty nhận thầu khoan, bốc, xúc, vận tải đất đá, san gạt bãi thải theo hợp đồng dài hạn với Công ty Cổ phần than Hà Tu khi được Vinacomin cho phép. Thời gian tham gia dự kiến từ năm 2015 cho đến khi kết thúc dự án. Từ quý III/2014, Công ty tiến hành xây dựng nhà xưởng, nhà làm việc, tổ chức bộ máy, chuẩn bị lao động và các điều kiện khác để thi công.

*b2) Nhận thầu bốc xúc vận tải đất đá mỏ Khe Chàm II*

- Khái quát dự án: Dự án Khe chàm II khai thác 40 triệu tấn than, bóc 694 triệu m3 đất, hệ số bóc đất 16,8 m3/tấn, thời gian kết thúc dự án theo thiết kế vào năm 2026. Dự án do Công ty Cổ phần Tây Nam Đá mài được Tập đoàn phân công làm chủ đầu tư.

- Lộ trình và thể thức tham gia của Công ty: Khi được Vinacomin cho phép và trong điều kiện tham gia bốc xúc vận tải đất đá tại Công ty Cổ phần Than Hà Tu còn dư năng lực thiết bị thì Công ty tiến hành tham gia nhận thầu bốc xúc, vận tải đất đá cho Công ty Cổ phần Tây Nam Đá theo hợp đồng dài hạn. Thời gian tham gia dự kiến từ năm 2017, Công ty tiến hành xây dựng nhà xưởng, nhà làm việc, tổ chức bộ máy, chuẩn bị lao động và các điều kiện khác để thi công.

*b) Kinh doanh các dịch vụ khác.*

- Kinh doanh dịch vụ nhà Văn hóa - Thể thao công nhân cột 5 dự kiến thực hiện từ năm 2013. Kinh doanh dự án này bao gồm dịch vụ cho thuê nhà thi đấu thể thao, hội trường tổ chức các hội thảo, văn hóa thông tin, dịch vụ ăn uống phục vụ đám cưới, hội nghị.

- Kinh doanh nhà đa năng 799 Lê Thánh Tông: Dự án này dự kiến thi công vào năm 2014, hoàn thành vào năm 2015; tổ chức hoạt động kinh doanh từ năm 2016. Tòa nhà đa năng này thiết kế xây dựng 02 tầng hầm, 11 tầng nổi; diện tích xây dựng khoảng 1500 m2; ngoài việc bố trí văn phòng làm việc của Công ty còn tổ chức dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc.

- Sử dụng quỹ đất hiện có tại Cơ khí Hòn Gai theo hướng xây dựng cụm chung cư hiện đại để kinh doanh kết hợp với việc cho công nhân hầm lò thuê nhà ở với giá hợp lý.

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành tiến hành lập quy hoạch sử dụng quỹ đất sau khi kết thúc khai thác than lộ thiên.

- Ngoài các dự án trên, Công ty có thể tham gia các dự án khoáng sản; bốc xúc vận chuyển đất đá; san lấp mặt bằng; thi công được giao thông... Tùy theo quy mô, tính chất và hiệu quả của từng dự án, Công ty cân đối đầu tư thêm thiết bị và bổ sung nhân lực để triển khai cho phù hợp.

\* Trong chiến lược phát triển của Công ty từ năm 2013 đến năm 2020 thì giai đoạn 2014 - 2017 là khó khăn nhất, Công ty khai thác than với sản lượng thấp ảnh hưởng đến việc làm, đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để tăng sản lượng than, ngoài việc thi công lò giếng theo dự án đầu tư, cần thiết phải thực hiện phương án thiết kế thi công đào lò bằng hoặc lò nghiêng trong khai trường lộ thiên để sớm lấy than ngay từ năm 2014.

**II. Tình hình hoạt động trong năm 2012**

***1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.***

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **So sánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bốc xúc đất đá | 1.000 m3 | 17.800 | 18.628,3 | 104,7 |
| 2 | Than nguyên khai | 1.000 tấn | 4.100 | 4.037,5 | 98,5 |
| 3 | Than sạch sàng tại mỏ | 1.000 tấn | 2.154 | 2.123,4 | 98,6 |
| - | Than sạch từ than NK | “ | 1.804 | 1.853,1 | 102,7 |
| - | Than sạch khai thác lại | “ | 350 | 270,3 | 77,2 |
| 3 | Than tiêu thụ | 1.000 tấn | 4.210 | 4.096,3 | 97,3 |
| 4 | Doanh thu tổng số | Tỷ đồng | 2.073 | 2.158 | 104,1 |
|  | *Trong đó, doanh thu than* | Tỷ đồng | 2.053 | 2.073,7 | 102,2 |
| 5 | Tiền lương bình quân | 1000/ng,th | 6.532 | 7.074 | 108,3 |
| 6 | Lợi nhuận | Tỷ đồng | 111,7 | 70,38 | 63,0 |
| 7 | Cổ tức | % | 15 | 12 | 80 |

\* Đánh giá kết quả SXKD năm 2012: Trước bối cảnh ngành than cũng như các Công ty sản xuất than lộ thiên gặp khó khăn trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, tồn kho và thiếu việc làm ở mức cao, diện khai thác than thu hẹp, công nghệ khai thác xuống sâu, công tác đổ thải, đền bù giải phóng mặt bằng, môi trường còn có nhiều vướng mắc... song với truyền thống đoàn kết, vượt khó, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo cán bộ công nhân viên nên Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động tài chính lành mạnh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh. Chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty chưa hoàn thành là do giá bán than của Công ty giảm, tương ứng với việc Tập đoàn điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận từ 117 tỷ đồng xuống còn 42,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, bằng nhiều biện pháp quản lý, Công ty đã tiết giảm được chi phí sản xuất nên lợi nhuận của Công ty đã tăng 65,2% so với kế hoạch Tập đoàn giao.

***2. Tổ chức và nhân sự:***

2.1. Danh sách Ban điều hành

a) Giám đốc điều hành

- Họ tên : **VŨ ANH TUẤN**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 18 tháng 3 năm 1968

- Nơi sinh : Quảng Ninh

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100873656 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/8/2002

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 10/1989 - 01/1993 | Cán bộ Phòng Kỹ thuật | Mỏ Than Núi Béo |
| 02/1993 - 10/1996 | Phó quản đốc CT Vỉa 14, Công trường Than 1 | Mỏ Than Núi Béo |
| 11/1996 - 07/1998 | Quản đốc công trường Than 1 | Mỏ Than Núi Béo |
| 08/1998 - 07/1999 | Quản đốc Phân xưởng Cảng | Mỏ Than Núi Béo |
| 07/1999 - 09/2001 | Trưởng phòng Điều khiển sản xuất | Mỏ Than Núi Béo |
| 10/2001 - 12/2002 | Quản đốc công trường vỉa 11 | Công ty Than Núi Béo |
| 01/2003 - 11/2003 | Trưởng phòng kỹ thuật | Công ty Than Núi Béo |
| 12/2003 - 09/2009 | Phó giám đốc Công ty | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV |
| 10/2009 - 3/2010 | UV HĐQT – Giám đốc điều hành | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV |
| 4/2010 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó bí thư Đảng ủy Công ty

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2013: 2.750 CP

- Số cổ phần đại diện vốn Nhà nước: 10.200.000 CP

b) Phó Giám đốc phụ trách kinh tế:

- Họ tên : **NGUYỄN PHÚC HƯNG**

**-** Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 19 tháng 10 năm 1954

- Nơi sinh : Huyện Tứ Kỳ - Tỉnh Hải Dương

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100310462 do CA Quảng Ninh cấp ngày 26/3/2002

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 09/1971 - 05/1973 | Thanh niên xung phong phục vụ tuyền tuyến tại D6, C106, BC18 |  |
| 06/1973 - 09/1974 | Học nghề tại xây lắp | Mỏ Than Hòn Gai |
| 10/1974 - 01/1991 | CB xí nghiệp xây lắp | Mỏ Than Hòn Gai |
| 02/1991 - 11/1995 | Kế toán trưởng | Mỏ Than Núi Béo |
| 12/1995 đến nay | Phó Giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng ủy.

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2013: 6.053 CP

c) Phó Giám đốc phụ trách sản xuất:

- Họ tên : **MAI QUẢNG THÁI**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 10 tháng 9 năm 1977

- Nơi sinh : Thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100621970 do CA Quảng Ninh cấp ngày 24/01/2013

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 07/2001 - 07/2002 | Nhân viên kỹ thuật CT Vỉa 11 | Công ty Than Núi Béo |
| 08/2002 - 12/2004 | Nhân viên phòng kỹ thuật | Công ty Than Núi Béo |
| 01/2005 - 10/2006 | Phó phòng kỹ thuật mỏ | Công ty Than Núi Béo |
| 11/2006 - 06/2007 | Phó giám đốc | Công ty Cổ phần Crômit Cổ Định-Thanh Hoá |
| 07/2007 - 11/2009 | Trưởng phòng Kỹ thuật mỏ | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV |
| 12/2009 - 4/2011 | Phó giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV |
| 4/2011 đến nay | Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2013: 732 CP

d) Phó Giám đốc phụ trách CĐVT:

- Họ tên : **LÊ NGỌC TUẤN**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 23 tháng 06 năm 1965

- Nơi sinh : Huyện Nông Cống – Tỉnh Thanh Hoá

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100462440 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/03/1990

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 06/1987 - 12/1988 | Cán bộ kỹ thuật | Ban thiết kế 3 |
| 01/1989 - 03/1993 | Cán bộ phòng vật tư | Mỏ Than Núi Béo |
| 04/1993 – 04/1997 | Phó phòng kế hoạch | Mỏ Than Núi Béo |
| 05/1997- 11/1999 | Phó phòng vật tư | Mỏ Than Núi Béo |
| 12/1999 - 11/2004 | Trưởng phòng vật tư | Công ty Than Núi Béo |
| 12/2004 - 4/2008 | Phó Giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV |
| 4/2008 đến nay | Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2013: 5.636 CP

đ) Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật:

- Họ tên : **NGUYỄN TUẤN DŨNG**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 06 tháng 12 năm 1968

- Nơi sinh : Huyện Kinh Môn - Tỉnh Hải Dương

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100769453 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/04/2000

-Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 03/1989 - 03/1991 | Công nhân | Mỏ Than Núi Béo |
| 03/1991 - 04/1993 | Bộ đội E43 | Tỉnh đội Quảng Ninh |
| 04/1993 - 07/1995 | Công nhân | Mỏ Than Núi Béo |
| 08/1995 - 11/1996 | Phó phòng điều khiển | Mỏ Than Núi Béo |
| 11/1996 - 03/1999 | Phó quản đốc - CT Than 1 | Mỏ Than Núi Béo |
| 04/1999 - 03/2006 | Quản đốc Công trường Than 1 | Công ty Than Núi Béo |
| 04/2006 - 09/2006 | Trưởng phòng ĐHSX | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV |
| 10/2007 đến nay | Phó Giám đốc Công ty | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2013: 2.750 CP

e) Phó Giám đốc phụ trách hầm lò:

- Họ tên : **TRẦN QUỐC TUẤN**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 22 tháng 08 năm 1968

- Nơi sinh : Thị xã Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Yết kiêu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 011360636 do công an Hà Nội cấp ngày 12/04/1985

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác mỏ

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 09/1989 - 12/1991 | Công nhân | Mỏ Than Vàng Danh |
| 01/1992 - 06/1993 | Nhân viên Phòng KHTT | Mỏ Than Vàng Danh |
| 07/1993 - 08/1997 | Nhân viên Phòng KTM | Mỏ Than Vàng Danh |
| 09/1997 - 09/1998 | Chuyên viên Ban ĐTXD | Tổng Công ty  Than Việt Nam |
| 10/1998 - 10/1999 | Chuyên viên Ban KTM&MT | Tổng Công ty  Than Việt Nam |
| 11/1999 - 08/2002 | Chuyên viên Ban KHCN&ĐT | Tổng Công ty  Than Việt Nam |
| 09/2002 - 12/2004 | Trưởng phòng Quản lý xây lắp | Ban Đầu Tư Phát Triển |
| 01/2005 - 12/2006 | Phó trưởng ban | Ban CBSX  mỏ Than - TKV |
| 01/2007 - 12/2007 | Phó Giám đốc | Công ty Than  Quang Hanh |
| 01/2008 - 05/2009 | Phó Giám đốc | Ban QLDA các công trình Than QN-TKV |
| 06/2009 - 05/2010 | Giám Đốc | Ban QLDA các công trình Than QN-TKV |
| 06/2010 – 06/2011 | Phó Giám đốc | Công ty tư vấn QLDA ĐTXD - TKV |
| 07/2011 đến nay | Phó Giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2013: 0 CP

f) Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ TÂM**

**-** Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 14/8/1971.

- Quê quán : Thị xã Đồ Sơn – TP Hải Phòng.

- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 Khu 2 P. Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100665740 do công an Quảng Ninh cấp ngày 08/8/2005.

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.

- Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 11/1991 – 6/1995 | Cán bộ Phòng KCS | Công ty Than Hòn Gai. |
| 07/1995 – 03/2005 | Cán bộ Phòng KTTK | Công ty Than Núi Béo. |
| 04/2005 – 02/2009 | Phó phòng KTTC | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |
| 03/2009 đến nay | Kế toán trưởng | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2013: 716 CP

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2012, Công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2012 là: 2688 người; trong đó: Cán bộ khoa học nghiệp vụ: 366 người, Công nhân là: 2.322 người. Năm 2012, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập ổn định đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

3.1. Công tác Đầu tư - XDCB:

Năm 2012, giá trị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ khai thác than lộ thiên là 131,3 tỷ đồng (bằng 97,71% kế hoạch). Trong đó đầu tư mới 06 xe ô tô Scania vận chuyển than, 01 cụm động cơ, 01 cụm hộp số xe CAT 773F, 01 cụm động cơ xe FM 400, các bộ phận điều khiển công suất, khởi động mềm, 01 máy phát điện 200KVA phục vụ khu VHTT, các thiết bị tin học, thiết bị phụ trợ khác; hoàn thiện cơ sở hạ tầng, bàn giao đất giai đoạn I khu tái định cư Khe cá Hà Phong cho TP Hạ Long, triển khai thi công các hạng mục thuộc giai đoạn II của dự án; di chuyển hệ thống sàng 7; thi công các hạng mục nhà làm việc phòng KCS, cụm nhà làm việc PX SCO mở rộng; nhà làm việc tổ quản lý PX VT6, nhà làm việc kho vật tư, cải tạo Nhà dịch vụ PX Phục vụ VHTT; Sửa chữa phục hồi máy khoan xoay cầu, máy xúc EKG 5A, máy cày xới D10R, 02 máy gạt CAT D7R, máy gạt D85A.

3.2. Dự án hầm lò:

Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện một số công việc chính như: Hoàn thiện và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu giai đoạn I; chỉ định thầu gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng cặp giếng đứng; ký kết hợp đồng thi công xây dựng đoạn cổ giếng tạm thời - giếng đứng phụ và giếng đứng chính, ký hợp đồng thi công xây dựng giếng đứng chính (đoạn thân giếng từ mét thứ 16 đến mét thứ 57,2) và giếng đứng phụ (đoạn thân giếng từ mét thứ 21 đến mét thứ 57); Tổ chức khởi công Dự án vào ngày 03/02/2012; ký quỹ môi trường lần đầu cho Dự án; phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 mặt bằng sân công nghiệp; tiếp tục triển khai khoan thăm dò bổ sung cho khu vực dự kiến sẽ áp dụng cơ giới hóa lò chợ; Thi công xong kho thuốc nổ 5 tấn; hoàn thiện Hồ sơ thiết kế BVTC-DT các hạng mục xây dựng cặp giếng chính phụ và các ngã ba; hoàn thành thẩm tra TK BVTC các hạng mục xây dựng cặp giếng chính phụ và các ngã ba; hoàn thành thẩm tra DT hạng mục xây dựng cặp giếng chính, phụ và các ngã ba; ký hợp đồng lập định mức, đơn giá XDCT; ký hợp đồng thi công giếng đứng chính, giếng đứng phụ (đoạn thân giếng chính, phụ và các ngã ba, lắp đặt cốt giếng); Lập và phê duyệt nhiệm vụ kỹ thuật thi công và lập báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình phục vụ thiết kế và thi công các CTXD trên mặt bằng sân công nghiệp + 35; ký hợp đồng thi công khoan khảo sát địa chất công trình phục vụ thiết kế và thi công các CTXD trên mặt bằng sân công nghiệp + 35; Ký hợp đồng TVGS, lập báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình phục vụ thiết kế và thi công các CTXD trên mặt bằng sân công nghiệp + 35; Hoàn thành san nền mặt bằng sân công nghiệp giai đoạn 2; Hoàn thành hệ thống nhà, xưởng phục vụ thi công; Lắp đặt hoàn thiện máy phát điện dự phòng; Lắp đặt hệ thống định vị thùng trục ở giếng phụ; Thi công trạm nén khí 8 máy phục vụ đào giếng; Đang tổ chức thi công bệ móng tháp, tời thi công phục vụ cho giai đoạn tiếp theo. Kết quả khối lượng thi công đào chống giếng: 114,2 m, trong đó Giếng chính 57,2 m; Giếng phụ 57 m;

**4. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2011** | **Năm 2012** | **% tăng giảm** |
| 1. Tổng tài sản | 980.722.248.600 | 1.080.191.709.290 | 110,1 |
| 2. Doanh thu thuần | 2.292.058.396.480 | 2.117.999.756.332 | 92,4 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 89.986.249.435 | 60.687.107.303 | 67,4 |
| 4. Lợi nhuận khác | 11.419.943.774 | 9.695.404.126 | 84,9 |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | 101.406.193.209 | 70.382.511.429 | 69,4 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế | 75.162.804.072 | 51.641.076.036 | 68,7 |
| 7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 28,738 | 46,473 | 161,7 |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2011** | **Năm 2012** |
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** |  |  |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0,81 | 0,72 |
| *TSLĐ/Nợ ngắn hạn* |  |  |
| - Hệ số thanh toán nhanh | 0,52 | 0,53 |
| *(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn* |  |  |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** |  |  |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,75 | 0,76 |
| - Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu | 2,92 | 3,09 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** |  |  |
| - Vòng quay hàng tồn kho | 20,77 | 16,08 |
| *Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân* |  |  |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,34 | 1,96 |
| **4. Chỉ tiêu sinh lời** |  |  |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu | 0,033 | 0,024 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,30 | 0,20 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,076 | 0,047 |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,039 | 0,029 |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

5.1. Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 19.999.404 cổ phần, số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 19.999.404 cổ phần, số phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 25/2/2013

| **STT** | **Phân loại cổ đông** | **Số lượng cổ đông** | **Số lượng cổ phần** | **Tỉ lệ nắm giữ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **I** | **Cổ đông là tổ chức** | **45** | **15.293.798** | **76,5** |
| 1 | Trong nước | 34 | 14.365.868 | 71,8 |
| *a* | *Cổ đông lớn* | *2* | *14.200.566* | *71,0* |
| - | Vinacomin | 1 | 10.200.000 | 51,0 |
| - | Công ty CP CĐ Lạnh | 1 | 4.000.566 | 20,0 |
| *b* | *Cổ đông nhỏ* | *32* | *165.302* | *0,8* |
| 2 | Ngoài nước | 11 | 927.930 | 4,6 |
| *-* | *Cổ đông lớn* |  |  |  |
| *-* | *Cổ đông nhỏ* | *11* | *927.930* | *4,6* |
| **II** | **Cổ đông là cá nhân** | **1.667** | **4.705.606** | **23,5** |
| 1 | Trong nước | 1.569 | 4.097.907 | 20,5 |
| *-* | *Cổ đông lớn* |  |  |  |
| *-* | *Cổ đông nhỏ* | *1.569* | *4.097.907* | *20,5* |
| 2 | Ngoài nước | 98 | 607.699 | 3,0 |
| *-* | *Cổ đông lớn* |  |  |  |
| *-* | *Cổ đông nhỏ* | *98* | *607.699* | *3,0* |
|  | **Tổng cộng** | **1.712** | **19.999.404** | **100,0** |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 199.994.040.000 đ. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng cổ phiếu thưởng, Công ty có 1.713 cổ đông.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

**III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị**

***1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đánh giá từng lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2012 như sau:

1.1. Về kỹ thuật sản xuất:

Khai thác than của Công ty đảm bảo các yêu cầu về quản lý kỹ thuật cơ bản, hệ thống khai thác mỏ ổn định và mở rộng theo thiết kế thi công. Tuy nhiên do khai trường chịu ảnh hưởng của các phay phá, đứt gãy và khai thác than hầm lò của Mỏ Hà Lầm nên xuất hiện một số khu vực bị tụt lún có nguy cơ mất an toàn đã được Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật và lên các phương án phòng tránh kịp thời, hiệu quả. Các công việc phát sinh ngoài công nghệ Công ty đã cập nhật báo cáo kịp thời và đã được Tập đoàn nghiệm thu, bổ sung chi phí; công tác phòng chống mưa bão và bơm thoát nước của Công ty thực hiện khá tốt, đảm bảo khối lượng, tiến độ và chất lượng, đã hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do mưa bão gây ra, tạo điều kiện ổn định khai thác than.

Công ty đã phối hợp cùng Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin lập Dự án Mở rộng khai thác lộ thiên mỏ than Núi Béo đã được Vinacomin thông qua thiết kế cơ sở; phối hợp với Công ty Cổ phần Than Hà Làm lập phương án tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác hầm lò khu VI, VII - Vỉa 10, 11 của Công ty Cổ phần Than Hà Lầm - Vinacomin và lộ thiên Vỉa 11, 13 Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin…

Mặc dù Công ty đã cố gắng duy tu bảo dưỡng đường mỏ, nhưng do khai trường chịu ảnh hưởng của các đứt gãy, khai thác than hầm lò của Mỏ than Hà Lấm, đặc biệt từ quý II, hết diện đổ thải bãi thải ngoài, Công ty phải đổ thải bãi thải trong, diện đổ thải chật hẹp, thường xuyên tụt lún, mật độ xe đông nên đôi khi đường vận chuyển chưa đảm bảo theo yêu cầu, làm giảm năng suất xe máy.

Công ty đã tích cực phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm đếm, lập và thẩm định các phương án Đền bù - GPMB khu 4 phường Hà Tu; phối hợp với UBND phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung và thành phố Hạ Long giải quyết các kiến nghị của nhân dân. Tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến chưa đền bù và giải phóng mặt bằng được một số hộ dân thuộc tổ 11, 12 khu 4 phường Hà Tu. Năm 2012, Công ty đã bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ cho hộ dân cư do ảnh hưởng của nổ mìn, mưa bão, thoát nước 71 hộ, với tổng giá trị là 28,9 tỷ đồng.

Công ty đã tăng cường quản lý nâng cao chất lượng than. Kết quả, Công ty đã giảm được độ tro than nguyên khai từ 37,08% xuống 37,07%; quy hoạch kho bãi chứa than đảm bảo sức chứa, quản lý thuận tiện, hiệu quả; hệ thống kho bãi chứa than hợp lý, than được che phủ bạt khi mưa bão, kho than được khơi thoát nước kịp thời làm giảm tổn thất cả về số và chất lượng.

1.2. Công tác môi trường:

Quản lý bảo vệ môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện đáng kể môi trường sản xuất như: Tăng cường tưới nước dập bụi các tuyến đường vận tải than đất và khu vực chế biến than, đặc biệt tuyến đường vận tải than tiêu thụ; trồng cây phủ xanh đất trống, khu vực đã ngừng khai thác và đổ thải; duy trì tổ chức quan trắc dịch động khu vực tụt lún, khu vực đổ thải thử nghiệm, thường xuyên đo nồng độ bụi trên khai trường làm việc; triển khai xây dựng các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom nước thải nhiễm dầu, nhà chứa chất thải nguy hại, lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại văn phòng các đơn vị, các cụm nghiền sàng; nạo vét các suối Hà Trung, Hà Tu, hệ thống cống rãnh trong Công ty ...

Phối hợp cùng với Công ty VITE lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Dự án cải tạo phục hồi môi trường; Đề án xả thải; phối kết hợp với UBND thành phố Hạ Long, UBND các phường Hà Tu, Hà Trung tiến hành nạo vét hệ thống suối Hà Tu, Hà Trung. Tổng giá trị thực hiện công tác Môi trường năm 2012 là 9,036 tỷ đồng.

1.3. Quản trị chi phí giá thành.

Công ty đã tổ chức điều hành hợp lý, hạn chế thấp nhất những tổn thất trong điều hành; thiết bị, xe máy có giá thành cao, năng suất thấp, hoạt động kém hiệu quả, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh đã được thanh lý hoặc niêm cất chờ xử lý.

Năm 2012, dự đoán kinh tế khó khăn nên ngay từ đầu năm và trong năm, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh như: Ban hành mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh; ban hành kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh; triển khai chương trình và ban hành chỉ thị thực hành tiết kiệm chi phí SXKD; tập huấn và ban hành hướng dẫn phương pháp xây dựng chương trình hành động, các giải pháp tiết kiệm chi phí và ký kết biên bản giao, nhận khoán; biên bản quyết toán khoán với tổ sản xuất; ban hành Chỉ thị tiết giảm chi phí theo chỉ thị số 65/CT-VINACOMIN; ban hành Nghị quyết liên tịch giữa Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên tập trung chỉ đạo, tăng cường quản lý, triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD 4 tháng cuối năm; Chỉ thị điều hành SXKD 4 tháng cuối năm và cả năm 2012.

Triển khai giao khoán chi phí sản xuất; giao khoán quản trị công nghệ và chi phí sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với Trưởng phòng, Quản đốc; khoán hạn mức bằng tiền đối với cán bộ, công nhân viên kỹ thuật của đơn vị, phòng ban tự túc sử dụng xe của cá nhân để phục vụ điều hành sản xuất của Công ty; khoán hạn mức sử dụng văn phòng phẩm, điện thoại, dụng cụ đồ nghề cho các đơn vị, phòng ban tự mua sắm, trường hợp sử dụng vượt quá hạn mức thì trừ vào tiền lương của người sử dụng và người phụ trách đơn vị; hàng quý, 6 tháng, kết thúc năm kiểm tra thực hiện và quyết toán khoán với các đơn vị, phòng ban; các đơn vị đã xây dựng chương trình hành động và các biện pháp tiết giảm chi phí, ký kết biên bản giao nhận khoán với tổ sản xuất; đã triển khai lắp đặt và khai thác có hiệu quả hệ thống định vị theo dõi hành trình (GPS); lắp đặt các Camera tại các trạm bảo vệ, kho vật tư chống thất thoát tài sản; hoàn thiện ứng dụng hệ thống eOffice vào công tác văn phòng của Công ty.

Duy trì tồn kho vật tư tác nghiệp theo quý với hạn mức chi phí vật liệu theo kế hoạch, kết thúc năm giá trị tồn cuối kỳ đã giảm so với đầu kỳ (15/17,1 tỷ đồng); thực hiện quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính giảm chi phí lãi vay so với kế hoạch, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính; hệ số nợ được đảm bảo.

1.4. Quản lý thuê ngoài:

Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước công việc thuê ngoài gồm 01 gói thầu bốc xúc, vận tải đất đá, 04 gói thầu gia công chế biến than, không thuê các đơn vị ngoài Vinacomin vận tải than và sản phẩm lẫn than theo quy định; Tổ chức hướng dẫn các nhà thầu thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn trong khai thác mỏ và quy định của Công ty về quản lý thuê ngoài; Triển khai ký kết quy chế phối hợp giữa Công ty với nhà thầu thuê ngoài cùng làm tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trong sản xuất; Tổ chức kiểm tra các nhà thầu về năng lực thi công, quản lý lao động, điều kiện an toàn thiết bị và thực hiện những cam kết khác trong hợp đồng.

1.5. Việc làm và đời sống người lao động***:***

Công ty cân đối đủ việc làm cho người lao động. Trong quá trình điều hành, Công ty đã kiên quyết bố trí đủ việc làm cho người lao động của Công ty mới bố trí thiết bị và lao động thuê ngoài; Công ty đã ký hợp đồng thuê ngoài bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nên đã giảm được sức ép về lao động; người lao động có thời gian nghỉ bù, nghỉ tuần đúng quy định; tăng cường các biện pháp quản lý và kiểm tra đôn đốc thường xuyên, nhắc nhở và duy trì nghiêm kỷ luật lao động. Việc chấp hành quy trình quy phạm, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm kỷ luật nội quy lao động nên đã duy trì nề nếp, tác phong công nghiệp và nâng cao được ý thức của người lao động. Trong năm đã xử lý kỷ luật 19 vụ; khiển trách 22 trường hợp, chuyển làm việc khác 6 trường hợp, sa thải 03 trường hợp, tổng số tiền bồi thường vật chất: 64,1 triệu đồng; các vụ xử kỷ luật đều thực hiện nghiêm túc, chứng minh được lỗi của người lao động và xử đúng người, đúng tội, không xảy ra kiện cáo, thắc mắc.

Công ty đã ban hành và phổ biến rộng rãi quy chế tuyển dụng đến người lao động; thành lập hội đồng tuyển dụng; Công ty chỉ tuyển dụng những đối tượng lao động kỹ thuật còn thiếu và bổ sung cho lao động nghỉ chế độ, chấm dứt HĐLĐ,…; hạn chế tuyển lao động phục vụ phụ trợ, giảm sức ép về lao động sau kết thúc khai thác lộ thiên. Trong năm Công ty đã tuyển dụng 42 lao động, trong đó đại học, cao đẳng 19 người, trung cấp 07 người, công nhân kỹ thuật 16 người.

Công ty đã thực hiện khoán và chi trả tiền lương cho các đơn vị và người lao động gắn với hiệu quả quản trị chi phí; điều chỉnh bổ sung tiền lương theo hướng dẫn của Tập đoàn và quyết toán quỹ tiền lương năm 250,16 tỷ đồng, tiền lương bình quân đạt 7,07 triệu đồng/người tháng; điều chỉnh lại biên độ giãn cách tiền lương một số ngành nghề cho phù hợp, trong đó có chế độ áp dụng cho các đối tượng lao động giản đơn, nhân viên quản lý có thu nhập thấp; khuyến khích công nhân kỹ thuật và thợ có tay nghề cao, viên chức có năng lực giỏi.

Người lao động đi làm đã được hưởng tiêu chuẩn ăn giữa ca 26.000đ/công đi làm theo chế độ, trong đó chi trả trực tiếp vào bữa ăn 20.000đ/suất đảm bảo chất lượng, giá trị còn lại Công ty chi trả trực tiếp bằng tiền cho người lao động; hưởng chế độ bồi dưỡng nặng nhọc độc hại theo quy định của Nhà nước; được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động với chất lượng ổn định, phù hợp từng ngành nghề; trang bị đủ dụng cụ đồ nghề theo quy định.

Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 02 lần trong năm cho người lao động; người lao động được đi thăm quan, nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức phục hồi chức năng theo các nguồn quỹ của Tập đoàn và Công ty; thanh toán đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, hiếu hỷ theo đúng quy định của Nhà nước; tổ chức thi nâng bậc cho CNKT và nâng lương cho CBCNV một năm 2 kỳ. Trong năm có 117 công nhân được nâng bậc; 261 CBCNV được nâng lương theo đúng quy định.

Công ty duy trì phong trào hoạt động Văn hoá - Thể thao nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho người lao động. Công ty đã tổ chức thành công các môn thi đấu truyền thống như: Cờ vua, Cờ tướng, Kéo co nữ, Bóng đá nam, Bơi trong bể... Công ty thành lập các câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis các câu lạc bộ này đã triển khai hoạt động tại Nhà sinh hoạt VHTT công nhân; tổ chức cho các đội tuyển của Công ty luyện tập, tham gia các giải bóng bàn, cầu lông, giải cờ vua của Vinacomin, giải bơi truyền thống vượt sông Bạch Đằng lần thứ 40, kết quả đội tuyển bơi đạt Cup vô định lần thứ 8 liên tiếp; thường xuyên đặt mua hàng chục loại báo, tạp chí, phân phát đến các đơn vị sản xuất để người lao động tiếp nhận thông tin.

1.6. Công tác an sinh xã hội:

Mặc dù năm 2012, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, song Công ty vẫn tạo việc làm ổn định cho 100% CNLĐ và tạo thêm việc làm cho 43 lao động của địa phương, trong đó con em CBCNV trong Công ty là 42 người; hộ đền bù giải phóng mặt bằng 01 người; chi 2,6 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội từ nguồn quỹ phúc lợi với các nội dung thăm hỏi gia đình chính sách, gia đình khó khăn, gia đình bị TNLĐ; Đóng góp quỹ người nghèo với địa phương, tỉnh; Ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa; Giúp đỡ các phường làm đường; Giúp các đơn vị quân đội,… Công ty đã tạo điều kiện giải quyết việc làm, an sinh xã hội cho địa phương thông qua hợp đồng thuê lao động thu gom than; quan tâm hỗ trợ các tổ chức của phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung, Trung đoàn 213, thành phố Hạ Long.

1.7. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực:

Trong năm, Công ty đã hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ và xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để đáp ứng kịp thời yêu cầu của quản lý. Triển khai tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ, nhân viên kinh tế các công trường, phân xưởng; Chọn cử một số cán bộ đi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên đề tại Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực Vinacomin và các lớp nghiệp vụ phục vụ dự án hầm lò, lớp học văn bằng 2 khai thác mỏ 13 người, lớp học trung cấp chính trị 09 người, lớp học cao cấp lý luận chính trị hành chính 05 người, đào tạo thực tế tại mỏ Hà Lầm 01 người, tu nghiệp tại Nhật Bản 01 người và Ucraina 02 người.

1.8. Công tác an toàn:

Công ty tiếp tục củng cố và hoàn thiện bộ máy làm công tác AT-VSLĐ, thành lập Hội đồng BHLĐ và phân công trách nhiệm thực hiện cho từng thành viên trong Hội đồng; Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN Công ty ra Nghị quyết liên tịch thực hiện công tác AT-VSLĐ và triển khai sâu rộng tới tất cả các phòng ban, đơn vị; công nhận 245 cán bộ công nhân trực tiếp sản xuất làm nhiệm vụ AT-VSV ở tất cả 17 đơn vị sản xuất, mạng lưới AT-VSV hoạt động rộng khắp tại trên 240 tổ sản xuất; Công ty đặc biệt quan tâm chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra đôn đốc làm tốt công tác cảnh báo, dự báo đề phòng tai nạn, sự cố rủi ro có khả năng xảy ra trong sản xuất.

Thực hiện kiểm tra định kỳ theo quy định bao gồm 02 lần theo Thông tư 01 và 02 lần theo Quyết định 389 của Tập đoàn; kiểm tra 10 lần chuyên đề (04 lần kỹ thuật vận tải, 06 lần cơ điện mỏ); kiểm tra kỹ thuật - an toàn khai thác mỏ, nghiệm thu khối lượng mỏ, triển khai kế hoạch khai thác tháng được thực hiện ở tất cả các tháng trong năm; kiểm tra kỹ thuật - an toàn đường vận chuyển, bãi thải được định kỳ thực hiện vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần; kiểm tra chuyên đề PCMB, PCTT - TKCN 3 lần; Kiểm tra chuyên đề PCCN thực hiện đều hàng quý. Sau mỗi đợt kiểm tra đều thông báo công khai, rộng rãi kết quả trong toàn Công ty, trong đó nêu rõ những kiến nghị, trách nhiệm thực hiện và thời gian thực hiện.

Công ty đã tăng cường cán bộ an toàn, giám sát người lao động thực hiện quy trình quy phạm; đình chỉ và xử lý công khai, nghiêm khắc các đối tượng vi phạm. Trong năm đã xử lý kỷ luật 16 vụ, trong đó hình thức chuyển làm việc khác 04 trường hợp, khiển trách 10 trường hợp, phê bình nhắc nhở 05 trường hợp; Buộc bồi thường thiệt hại do tai nạn - sự cố gây ra 64,1 triệu đồng.

Công ty đã huấn luyện an toàn bước 1 cho 63 người lao động mới tiếp nhận và sinh viên thực tập; huấn luyện và cấp thẻ an toàn cho 708 lượt công nhân vào làm việc của đơn vị hợp đồng kinh tế; huấn luyện an toàn theo định kỳ cho 2.225 lượt người làm các ngành nghề (đảm bảo 100% lao động trong diện huấn luyện); huấn luyện cho 117 công nhân kỹ thuật thi nâng bậc; huấn luyện cho 18 người cán bộ trước khi đề bạt; toàn bộ lao động mới tuyển dụng đều được các đơn vị huấn luyện an toàn bước 2 và tổ sản xuất kèm cặp bước 3 theo quy định; 100 % người lao động trong Công ty đều ký cam kết thực hiện an toàn trong sản xuất.

Trong năm Công ty không để xảy ra tai nạn cho người, tai nạn, sự cố thiết bị loại I, loại II, loại III, sự cố cháy nổ, chỉ xảy ra 16 vụ tai nạn - sự cố không phân loại (giảm 02 vụ so với 2011).

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác AT - BHLĐ của Công ty vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: Ý thức chấp hành Nội quy an toàn của một bộ phận cán bộ, công nhân chưa cao; vi phạm Quy trình vận hành sử dụng thiết bị gây thiệt hại kinh tế; mạng lưới an toàn vệ sinh viên hoạt động chưa thực sự hiệu quả, chậm đổi mới.

1.9. Công tác an ninh trật tự.

Do khai trường sản xuất xen kẽ dân cư nên công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ chống khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ than trái phép hết sức phức tạp. Công ty đã chủ động kiểm tra kiểm soát, phối hợp với chính quyền địa phương, Công an tỉnh, thành phố kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời các điểm khai thác than trái phép. Trong năm, đã tổ chức 04 lần triệt phá, san lấp các điểm đào lò gồm các điểm tại tổ 1, tổ 2, tổ 9 khu 7 và tổ 10, tổ 11 khu 4 phường Hà Tu; 02 lần san lấp, hoàn nguyên tại tổ 2 khu 7, phường Hà Tu và bốc xúc ét tốc tại tổ 11 khu 4, phường Hà Tu; xử lý hơn 30 lượt đối tượng vào khai trường trộm cắp than; lập biên bản xử lý 20 trường hợp xe máy vi phạm khai trường; xử lý kỷ luật 03 công nhân; đối với các đơn vị hợp đồng hoạt động trong khai trưởng mỏ, Công ty đã triển khai ký Quy chế phối hợp bảo vệ an ninh, an toàn khai trường sản xuất và thành lập 05 cụm tự quản ANTT-AT-PCCN.

Với các phương án, biện pháp cùng với sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp, hỗ trợ của chính quyền, công an và nhân dân trên địa bàn, tình hình ANTT trong khai trường, ranh giới mỏ cơ bản được ổn định, toàn bộ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ được giữ vững. Tuy nhiên trong ranh giới quản lý tài nguyên việc phòng, chống khai thác, chế biến, vận chuyển kinh doanh than trái phép vẫn diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều nguy cơ tiềm ẩn các đối tượng lợi dụng san lấp mặt bằng, vườn đồi tổ chức khai thác trở lại.

1.10. Công tác tài chính; Đầu tư – XDCB; Thực hiện Dự án hầm lò: Đã nêu ở mục 3, mục 4 phần II

1.11. Công tác khác:

Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua lao động sản xuất gắn với các sự kiện chính trị tạo thêm động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Kết quả Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012; Hội đồng TĐ - KT Công ty xét duyệt các danh hiệu thi đua năm 2012 cho 2.520 CBCN lao động, 21 phòng ban, 17 đơn vị sản xuất, trong đó có 2513 người đạt lao động tiên tiến, 234 người đạt chiến sĩ thi đua, 185 tổ sản xuất đạt lao động tiên tiến, 68 tổ sản xuất đạt lao động xuất sắc; Công ty xét duyệt và trình Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trên tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho 46 người đạt CSTĐ cấp Vinacomin, 11 người đạt CSTĐ cấp Bộ Công thương, 14 người nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương, 03 người nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 03 người nhận Huân chương lao động; Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Tập đoàn trao tặng 35 người đạt Danh hiệu thợ Mỏ vẻ vang; đề nghị cấp trên tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp văn hóa thể thao cho 02 đồng chí, 01 đồng chí được tặng Nghệ sỹ Vùng Mỏ. Trong năm 2012, Công ty có 175 công trình thi đua với tổng trị giá trên 8,5 tỷ đồng, các công trình thi đua vừa tạo khí thế thi đua trong LĐSX vừa tạo động lực khuyến khích người lao động tích cực tham gia với các phong trào phục vụ SX chung của Công ty.

***2. Kế hoạch SXKD năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.***

2.1 Chỉ tiêu, sản lượng khai thác lộ thiên

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Số lượng,**  **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 1 | Bóc đất đá lộ thiên | 1.000 M3 | 20.500 |  |
| 2 | Than nguyên khai sản xuất | 1.000 Tấn | 3.900 |  |
| 3 | Than sạch sàng tại mỏ | 1.000 Tấn | 1.934 |  |
| - | Than sạch từ than NK | “ | 1.584 |  |
| - | Than sạch khai thác lại | “ | 350 |  |
| 4 | Than tiêu thụ | 1.000 Tấn | 4.050 |  |
| 5 | Doanh thu tổng số | Tỷ đồng | 2.137 |  |
|  | *Trong đó, Doanh thu than* | Tỷ đồng | 2.116 |  |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 50,6 |  |
| 7 | Tiền lương bình quân theo lao động định mức | 1.000đ/người /tháng | 6.509 |  |
| 8 | Cổ tức | % | 10 |  |

2.2. Triển khai thực hiện dự án hầm lò mỏ than Núi Béo:

Phối hợp với các nhà thầu phấn đấu hết tháng 3/2013 xây dựng, lắp đặt tháp, thiết bị thi công giếng; thực hiện đúng khối lượng kế hoạch mét lò năm 2013: 625 m; đôn đốc nhà thầu thiết kế hoàn thành sớm Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán cho Dự án, Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán kịp thời cho các hạng mục công trình; Lập lại dự toán, triển khai đấu thầu Quốc tế rộng rãi gói thầu cung cấp, lắp đặt hệ thống thiết bị trục tải giếng đứng chính, phụ; hoàn thành bộ định mức, đơn giá xây dựng công trình, lập, thẩm định phê duyệt lại dự toán cho hạng mục thi công cặp giếng, các ngã ba, lắp đặt cốt giếng; thanh toán, giải ngân kịp thời cho khối lượng công việc hoàn thành; tiếp tục đền bù cho số hộ dân còn lại để giải phóng mặt bằng; tiếp tục giải trình với UBND Tỉnh, Bộ Tài nguyên & Môi trường để xin cấp phép khai thác cho Dự án; Lập báo cáo, kế hoạch đầy đủ, đúng kỳ hạn.

***3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên***

a). Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty “Mức chi trả cổ tức và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định” nên tại thời điểm lập báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 15/3/2013, Công ty mới tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo công văn số 766/Vinacomin- HĐTV ngày 17/2/2013 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngày 20 tháng 3 năm 2013 vừa qua, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán và như vậy toàn bộ việc phân phối lợi luận năm 2012, Công ty thực hiện theo công văn số 766/Vinacomin- HĐTV ngày 17/2/2013 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

b). Tại công văn số 6417/VINACOMIN-KT, ngày 11/12/2012 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo quyết toán tài chính năm 2012 có nêu rõ:

*Về khoản vay dài hạn đến hạn phải trả:* Theo chế độ kế toán quy định thì chỉ có khoản nợ dài hạn đến hạn trả thì mới hạch toán bút toán kết chuyển (ghi có TK 342 nợ TK 315), còn TK 341 (vay dài hạn) không bút toán kết chuyển này, Công ty đã phản ánh từng nguồn vay cụ thể trong thuyết minh báo cáo tài chính.

***4. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.***

- Năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Các thành viên Ban Giám đốc đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xẩy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

***3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2013.***

3.1. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và triển khai thực hiện dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.

3.2. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tái cấu trúc theo chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

3.3. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, nguồn than giao nhận, vận chuyển tiêu thụ than.

3.4. Thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng tại địa phương, bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một các vững chắc.

3.5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan, sinh động các hoạt động sản xuất, kinh doanh, văn hóa, xã hội của Công ty, nhất là những khó khăn thách thức do hậu quả của suy giảm kinh tế và các tấm gương vượt khó đi lên để người lao động nói riêng và xã hội nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ và các cấp chính quyền địa phương, Tập đoàn kịp thời hỗ trợ.

3.6. Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường, phấn đấu xây dựng Công ty trở thành mỏ Hiện đại - An toàn – Xanh - Sạch - Đẹp. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3.7. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

**IV. Quản trị Công ty**

***1. Hội đồng quản trị***

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Số lượng cổ phiếu sở hữu** | **Số buổi họp tham dự 2012** |
| 1 | Ông Vũ Anh Tuấn | Chủ tịch | 2.750 | 27 |
| 2 | Ông Lã Tuấn Quỳnh | Ủy viên (không điều hành) | 3.670 | 27 |
| 3 | Ông Lê Ngọc Tuấn | Ủy viên | 5.636 | 13 |
| 4 | Ông Mai Quảng Thái | Ủy viên | 732 | 27 |
| 5 | Bà Đỗ Thị Thanh Huyền | Ủy viên không điều hành | 1.283 | 27 |

b) Hoạt động của các tiểu ban thuộc của HĐQT: Không

c) Hoạt động của HĐQT trong năm 2012: Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi tháng 2 lần, giải quyết tổng thể trên 50 đầu việc liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

| **STT** | **Ngày** | **Số nghị quyết** | **Nội dung** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 11/01/2012 | 01/NQ-HĐQT | Phê duyệt kế hoạch đấu thầu giai đoạn I Dự án đầu tư khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo. |
| 2 | 14/01/2012 | 02/NQ-HĐQT | Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu số 5: Giám sát thi công xây dựng gói thầu số 13 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo. |
| 3 | 16/02/2012 | 03/NQ-HĐQT | Phê duyệt định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, điện năng năm 2012. |
| 04/NQ-HĐQT | Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2012 |
| 05/NQ-HĐQT | Duyệt chi quỹ KT- PL năm 2011 |
| 06/NQ-HĐQT | Phê duyệt Quy chế Tuyển dụng lao động |
| 07/NQ-HĐQT | Phê duyệt mức lương của người thấp nhất và hệ số giãn cách tiền lương cán bộ quản lý, Đảng, Đoàn thể |
| 08/NQ-HĐQT | Quyết toán tiền lương năm 2011. |
| 4 | 23/02/2012 | 09/NQ-HĐQT | Ban hành Quy chế Quản lý Lao động và Tiền lương |
| 10/NQ-HĐQT | Phê duyệt kế hoạch chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2012. |
| 5 | 27/02/2012 | 11/NQ-HĐQT | Thành lập đoàn cán bộ đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại nước ngoài |
| 12/NQ-HĐQT | Thành lập Phân xưởng Phục vụ Văn hóa – Thể thao và giải quyết công tác cán bộ trong Công ty. |
| 6 | 09/3/2012 | 13/NQ-HĐQT | Chốt danh sách cổ đông để trả tạm ứng cổ tức cho cổ đông năm 2011. |
| 7 | 12/3/2012 | 14/NQ-HĐQT | Quyết toán tiền lương năm 2011 cho các chức danh cán bộ quản lý, Đảng, Đoàn thể. |
| 8 | 19/3/2012 | 15/NQ-HĐQT | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài |
| 9 | 30/3/2012 | 16/NQ-HĐQT | Thưởng ban ĐHSX của Công ty |
| 17/NQ-HĐQT | Miễn nhiệm chức vụ cán bộ. |
| 18/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cán bộ. |
| 20/NQ-HĐQT | Phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động công tác BVQS |
| 21/NQ-HĐQT | Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2012 |
| 22/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ và không bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ |
| 23/NQ-HĐQT | Giao nhiệm vụ làm thủ tục tăng vốn Điều lệ Công ty |
| 10 | 09/5/2012 | 24/NQ-HĐQT | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài |
| 11 | 05/6/2012 | 25/NQ-HĐQT | Tháo dỡ thanh lý tài sản cố định |
| 26/NQ-HĐQT | Sát nhập, đổi tên Nhà ăn Trung tâm |
| 12 | 12/6/2012 | 27/NQ-HĐQT | Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu số 8: Lập định mức, đơn giá xây dựng công trình Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo |
| 13 | 13/6/2012 | 28/NQ-HĐQT | Phê duyệt bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật năm 2012 |
| 14 | 29/6/2012 | 29/NQ-HĐQT | Nâng bậc lương cho cán bộ |
| 30/NQ-HĐQT | Phê duyệt kế hoạch ĐTXD năm 2012 |
| 31/NQ-HĐQT | Phê duyệt Quy chế tổ chức hoạt động công tác pháp chế |
| 32/NQ-HĐQT | - Lựa chọn nhà thầu phụ thi công xây dựng cặp giếng đứng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo - Đồng ý cho cán bộ đi nước ngoài để chữa bệnh (Ông Lê Ngọc Tuấn). |
| 15 | 31/7/2012 | 33/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm bộ điều hành sản xuất |
| 16 | 30/8/2012 | 34/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ |
| 17 | 04/9/2012 | 35/NQ-HĐQT | Cử cán bộ đi công tác tại Ucraina |
| 36/NQ-HĐQT | Cử cán bộ đi công tác tại Mỹ |
| 18 | 01/10/2012 | 37/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ |
| 19 | 02/10/2012 | 38/NQ-HĐQT | Cử cán bộ đi công tác tại Úc |
| 39/NQ-HĐQT | Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản |
| 20 | 09/10/2012 | 40/NQ-HĐQT | Phê duyệt quyết toán đầu tư hoàn thành dự án Đầu tư thiết bị duy trì và phát triển sản xuất năm 2010 |
| 21 | 29/10/2012 | 41/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm chức vụ cán bộ |
| 42/NQ-HĐQT | Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu Gói thầu số 13: Xây dựng cặp giếng chính phụ và các ngã ba thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo |
| 22 | 20/11/2012 | 43/NQ-HĐQT | Điều chỉnh kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2012 Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin |
| 23 | 23/11/2012 | 44/NQ-HĐQT | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án đầu tư ô tô vận chuyển đất đá tải trọng 55-60 tấn năm 2009 |
| 24 | 01/12/2012 | 45/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ (Trưởng phòng KTM, PQĐ CT Vỉa 14) |
| 25 | 03/12/2012 | 46/NQ-HĐQT | Chấm dứt HĐLĐ – PQĐ CT ĐB |
| 26 | 07/12/2012 | 47/NQ-HĐQT | Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản |
| 48/NQ-HĐQT | Nâng bậc lương cán bộ (PGĐ, KTT) |
| 27 | 14/12/2012 | 49/NQ-HĐQT | Bổ nhiệm chức vụ cán bộ (Bổ nhiệm Phó quản đốc) |
| 50/NQ-HĐQT | Điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2012 |

***2. Ban kiểm soát***

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Số lượng cổ phiếu sở hữu** | **Số buổi họp tham dự 2012** |
| 1 | Ông Đào Xuân Nam | Trưởng ban |  | 4 |
| 2 | Ông Nguyễn Tiến Nhương | Ủy viên | 3.670 | 4 |
| 3 | Bà Dương Thị Thu Phong | Ủy viên |  | 4 |

c) Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm: Năm 2012, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

***3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và ban kiểm soát***

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích

*a) Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2012 với tổng số tiền là 166.722.060 đ (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn không trăm sáu mươi đồng) với các tính như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp hàng tháng (đồng)** | **Ghi chú** |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | = 7,30 x Lmin x 30% |  |
| 2 | Uỷ viên HĐQT | = 6,31 x Lmin x 30% |  |
| 3 | Trưởng BKS | = 6,31 x Lmin x 30% |  |
| 4 | Uỷ viên BKS | = 5,98 x Lmin x 30% |  |

***\*Ghi chú***: Lmin là mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định cho từng thời điểm.

*b) Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban giám đốc Công ty có 07 thành viên. Trong năm 2012, HĐQT Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 1.583.000.000 đồng

3.1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm 2012 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

**V. Báo cáo tài chính.**

***1. Ý kiến của kiểm toán:*** Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 248/2013/BC.KTTC-AASC.VPQN ngày 15/3/2013 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán.

**“**Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo các vấn đề sau: Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo công văn số 766/Vinacomin- HĐTV ngày 17/2/2013 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty thực hiện theo công văn số 6417/Vinacomin - KT ngày 11/12/2012 về việc hướng dẫn lập báo cáo quyết toán năm 2012 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó các khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2013 là: 85.123.019.066 đồng, Công ty không thực hiện phân loại sang chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán.”

***2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:*** Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là : (www.nuibeo.com.vn).

Xin trân trọng cám ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBCK Nhà nước (b/c);  - Sở giao dịch CK Hà Nội (b/c);  - Website Công ty;  - Lưu: HĐQT (5),BKS; VT. | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH**  **Vũ Anh Tuấn** |